TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2022/QĐST- DS	*Thái Nguyên, ngày 07 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 56/ TLST-DS ngày 17/5/2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Dương Văn N, sinh năm 1950

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1939 và vợ bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952

Đều trú tại: Xóm TĐ, xã TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1952 (vợ ông Ngừng)

Đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông Dương Văn N

- Anh Nguyễn Đức D1, sinh năm 1989 (Con trai ông Dư, bà Thái)

Đều trú tại: Xóm TĐ, xã TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

- Chị Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1987 (con gái ông Dư, bà Thái)

Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền của ông D, bà T, chị T1: Anh Nguyễn Đức D1, sinh năm 1989 (Con trai ông D, bà T)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Các bên nhất trí thỏa thuận: Ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị T đồng ý hoàn trả lại cho ông Dương Văn N, bà Phạm Thị Th phần đất đã lấn chiếm là 199,8m^2 thuộc thửa thửa 322, tờ bản đồ số 04, loại đất CLN tại xã TĐ,

thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên trên đất đã được ông D, bà T đổ bê tông làm đường đi

Vị trí phần đất: Từ điểm 16-15-14-13-27-28-26-25-51-52-16

Phía Đông giáp đất ông N

Phía Tây, phía Bắc giáp đường dân sinh của nhà bà T, ông D xây dựng.

Phía Nam giáp đất chị T1 và thửa 323, tờ bản đồ số 4

2.2. Ông Dương Văn N, bà Phạm Thị Th đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị T là 58,3m^2 đất đã lấn chiếm vào phần đất của nhà ông Dư, bà Thái bỏ ra để làm lối đi chung vào nhà. Trong đó có 53,4m^2 phần đất rẽ vào cổng và 4,9m^2 đã được ông N, bà Th xây 1 phần nhà và tường rào. Cụ thể:

- Vị trí phần đất 53,4m^2 phần đất lối rẽ vào cổng: Từ điểm 1-2-3-4-5-6-7-57-56-55-54-53-17-1

- Vị trí phần đất đất lối rẽ vào cổng 4,9m^2: Từ điểm 16-17-53

(có trích đo do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc kèm theo)

2.3. Chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định, đo đạc là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Hai bên thống nhất thỏa thuận ông N nhận nộp 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Anh D1 nhận nộp 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Đã quyết tóa xong.

2.4. Án phí: Miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị T, ông Dương Văn N, bà Phạm Thị Th do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí được Tòa án chấp nhận.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân